Bộ điều **áp MS4N-LR**

Số bộ phận: 527691

Bảng dữ liệu

Đặc tính	**Giá trị**
Kích thước	4
Dòng	MS
bảo vệ hành động	Núm xoay có khóa Núm xoay với khóa tích hợp có thể khóa với các phụ kiện
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cấu trúc xây dựng	Van điều khiển áp suất với áp kế
chức năng điều khiển	Áp suất đầu ra không đổi với hệ thống xả thứ cấp Với chức năng dòng trả về
Bộ hiển thị áp suất	G1/4 được chuẩn bị G1/8 được chuẩn bị với cảm biến áp suất với áp kế
Áp suất vận hành	0.08 MPa...1.4 MPa 0.8 bar...14 bar
Phạm vi điều chỉnh áp suất	0.3 bar...12 bar
Độ trễ áp suất tối đa	0.025 MPa 0.25 bar 3.625 psi
Lưu lượng định mức thông thường	1000 l/min...2200 l/min
Giấy phép	c UL us - Recognized (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Danh mục ATEX Khí	II 2G
Danh mục ATEX Bụi	II 2D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex h IIC T6 Gb X
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex h IIIC T60°C Db X
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	-10°C <= Ta <= +60°C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] Khí trơ
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)

Đặc **tính**	**Giá** trị
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ bảo quản	-10 °C...60 °C
Phù hợp với thực phẩm	xem thông tin tài liệu bổ xung
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...60 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	225 g
Kiểu gắn	tùy ý: Lắp bảng điều khiển phía trước Lắp đặt đường dây với phụ kiện
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu tấm kết nối	Nhôm đúc áp lực
Vật liệu của phớt	NBR
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực
Màng vật liệu	NBR